

ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH BÌNH DƯƠNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 26 /2015/QĐ-UBND

Thủ Dầu Một, ngày 24 tháng 7 năm 2015

**QUYẾT ĐỊNH**

Về việc quy định hỗ trợ tiền điện cho hộ nghèo  
và hộ chính sách xã hội trên địa bàn tỉnh Bình Dương

SỞ TƯ PHÁP BÌNH DƯƠNG	
ĐẾN	Số: 2175..... và
	Ngày: 27.7.2015
Chuyển:	XD/T, TĐ/B, B/B
Lưu hồ sơ số:	.....

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH**

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân ngày 03 tháng 12 năm 2004;

Căn cứ Quyết định số 60/2014/QĐ-TTg ngày 30/10/2014 của Thủ tướng Chính phủ quy định tiêu chí hộ chính sách xã hội được hỗ trợ tiền điện;

Căn cứ Quyết định số 28/2014/QĐ-TTg ngày 07/4/2014 của Thủ tướng Chính phủ quy định về cơ cấu giá bán lẻ điện;

Căn cứ Thông tư số 190/2014/TT-BTC ngày 11/12/2014 của Bộ Tài chính quy định thực hiện chính sách hỗ trợ tiền điện cho hộ nghèo và hộ chính sách xã hội;

Theo đề nghị của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tại công văn số 1110/SLĐT BXH-BTXH ngày 19/5/2015 về việc hỗ trợ tiền điện cho hộ nghèo và hộ chính sách xã hội,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Quy định việc hỗ trợ tiền điện cho hộ nghèo và hộ chính sách xã hội trên địa bàn tỉnh Bình Dương như sau:

1. Đối tượng được hỗ trợ tiền điện:

a) Hộ nghèo theo tiêu chí của tỉnh tại Quyết định số 51/2013/QĐ-UBND ngày 27/12/2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc quy định chuẩn hộ nghèo, hộ cận nghèo và bảo lưu 02 năm đối với hộ thoát nghèo trên địa bàn tỉnh Bình Dương 02 năm giai đoạn 2014 - 2015.



b) Hộ chính sách xã hội được hỗ trợ tiền điện là hộ có một trong những tiêu chí sau:

- Hộ có thành viên đang hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng không thuộc diện hộ nghèo theo quy định của pháp luật và có lượng điện sử dụng cho mục đích sinh hoạt trong tháng không quá 50 KWh ở vùng có điện lưới;

- Hộ có thành viên đang hưởng trợ cấp xã hội theo quy định của pháp luật sống ở vùng chưa có điện lưới;

Tiêu chí xác định hộ có thành viên đang hưởng trợ cấp xã hội tại cộng đồng được hỗ trợ tiền điện thực hiện theo quy định tại Quyết định số 10/2015/QĐ-UBND ngày 30/3/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh quy định trợ cấp nuôi dưỡng trong các cơ sở bảo trợ xã hội, nhà xã hội; trợ cấp xã hội tại cộng đồng; hỗ trợ kinh phí chăm sóc, nuôi dưỡng và chính sách trợ giúp xã hội khác đối với đối tượng bảo trợ xã hội trên địa bàn tỉnh.

- Hộ đồng bào dân tộc thiểu số sống ở vùng chưa có điện lưới.

## 2. Định mức hỗ trợ:

a) Mỗi hộ được hỗ trợ tương đương tiền điện sử dụng 30KWh mỗi tháng, tính theo mức giá bán lẻ điện sinh hoạt bậc 1, cụ thể như sau:

- Từ ngày 01 tháng 6 năm 2014 đến ngày 15 tháng 3 năm 2015: Tính theo mức giá bán lẻ điện sinh hoạt bậc 1, mỗi hộ được hỗ trợ 46.000 đồng/1 hộ/1 tháng.

- Từ ngày 16 tháng 3 năm 2015: Tính theo mức giá bán lẻ điện sinh hoạt bậc 1, mỗi hộ được hỗ trợ 50.000 đồng/1 hộ/1 tháng.

b) Trường hợp hộ có nhiều thành viên hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng hoặc thuộc diện được hỗ trợ tiền điện theo các chính sách khác nhau thì chỉ được hưởng một mức hỗ trợ tiền điện cao nhất.

3. Thời gian hỗ trợ: bắt đầu từ tháng 6 năm 2014.

4. Nguồn kinh phí thực hiện chi hỗ trợ tiền điện: do ngân sách huyện, thị xã, thành phố đảm nhận theo phân cấp quản lý hiện hành.

5. Phương thức hỗ trợ: chi trả trực tiếp theo hình thức hỗ trợ bằng tiền từng quý đến hộ nghèo và hộ chính sách xã hội.

6. Khi cơ quan có thẩm quyền quyết định điều chỉnh giá bán lẻ điện sinh hoạt bậc 1 tăng, giảm so với quy định hiện hành, giao Sở Lao động - Thương binh và Xã hội phối hợp Sở Tài chính tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh điều chỉnh kịp thời mức hỗ trợ tiền điện hàng tháng tương đương tiền điện sử dụng 30 kWh tính theo mức giá bán lẻ điện sinh hoạt bậc 1 đã điều chỉnh.

7. Việc lập dự toán, quản lý, cấp phát và thanh toán kinh phí hỗ trợ tiền điện: các đơn vị thực hiện theo 'quỹ định' tại Thông tư số 190/2014/TT-BTC ngày 11/12/2014 của Bộ Tài chính quy định chính sách hỗ trợ tiền điện cho hộ nghèo và hộ chính sách xã hội.

## **Điều 2. Trách nhiệm của các đơn vị**

1. Sở Tài chính: Bố trí kinh phí, hướng dẫn mức chi, phương thức chi theo Thông tư số 190/2014/TT-BTC, quản lý và quyết toán kinh phí theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước.

2. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội chủ trì, phối hợp với Sở Công Thương, Công ty Điện lực Bình Dương:

a) Giám sát, kiểm tra, thanh tra quá trình triển khai thực hiện chính sách hỗ trợ tiền điện hộ nghèo và hộ chính sách xã hội trên địa bàn tỉnh.

b) Thực hiện chế độ báo cáo định kỳ (quý, năm), đột xuất về tình hình, kết quả và kinh phí thực hiện chính sách hỗ trợ tiền điện hộ nghèo và hộ chính sách xã hội trên địa bàn cho Ủy ban nhân dân tỉnh để báo cáo Bộ Tài chính, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Công Thương theo quy định.

3. Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố:

a) Phê duyệt danh sách hộ nghèo, hộ chính sách xã hội được hỗ trợ tiền điện và thông báo cho Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn;

b) Chỉ đạo các cơ quan có liên quan (Phòng Tài chính Kế hoạch, Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội, Phòng Kinh tế) và Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn, Kho bạc nhà nước tổ chức theo dõi tình hình cấp phát thanh toán kinh phí thực hiện chế độ, chính sách quy định tại Quyết số 28/2014/QĐ-TTg ngày 07/4/2014 của Thủ tướng Chính phủ quy định về cơ cấu biểu giá bán lẻ điện.

c) Hàng quý, năm thực hiện chế độ báo cáo định kỳ, đột xuất tình hình, kết quả thực hiện chính sách hỗ trợ tiền điện cho hộ nghèo và hộ chính sách xã hội trên địa bàn và nhu cầu kinh phí cần hỗ trợ về Sở Tài chính, Sở Công Thương, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội để tổng hợp, trình Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh cân đối ngân sách;

d) Giám sát, kiểm tra, thanh tra quá trình triển khai thực hiện chính sách hỗ trợ tiền điện cho hộ nghèo và hộ chính sách xã hội trên địa bàn.

4. Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn:

a) Tiếp nhận, quản lý, chi trả kinh phí trực tiếp hỗ trợ tiền điện đến các hộ nghèo và hộ chính sách xã hội trên địa bàn, đảm bảo kịp thời, đúng đối tượng và chế độ quy định.

b) Thường xuyên cập nhật danh sách các hộ nghèo và hộ chính sách xã hội thuộc diện hỗ trợ tiền điện và báo cáo Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội để tổng hợp chung.

c) Thực hiện chế độ báo cáo định kỳ, đột xuất về tình hình, kết quả thực hiện chính sách hỗ trợ tiền điện cho hộ nghèo và hộ chính sách xã hội theo quy định.

d) Giám sát, kiểm tra quá trình chi trả hỗ trợ tiền điện trên địa bàn.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các Sở: Lao động - Thương binh và Xã hội, Tài chính, Công Thương; Điện lực Bình Dương; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố có trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực sau 10 ngày, kể từ ngày ký./.

**Nơi nhận:**

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Văn phòng: Quốc hội, Chính phủ;
- Các Bộ: Tài chính, LĐT&XH, Nội vụ, C.Thương;
- Cục kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp ;
- TTTU; TTHĐND, TT ĐĐBQH tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- UBMTTQ và các đoàn thể tỉnh;
- Các Ban xây dựng Đảng tỉnh;
- Các Sở, Ban, ngành; (60)
- UBND các huyện, tx, tp;
- VPTU, VP ĐĐBQH-HĐND;
- LĐVP, Thái, TH, HCTC, TTCB, Website tỉnh; [ ]
- Lưu: VT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH  
CHỦ TỊCH**



**Trần Văn Nam**